

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/HS-ST
Ngày: 16 - 3 - 2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoài Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Tuấn Chiến;
- Ông Vũ Văn Võ.

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thoan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Phương Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2026/TLST-HS, ngày 20 tháng 01 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2026/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Chu Quang T, sinh ngày: 10/6/1982, tại xã T, tỉnh Phú Thọ. Tên gọi khác: Không; Nơi ở: Khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ; CCCD số: 025082005694; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội: Không. Đảng phái: Trước khi phạm tội là đảng viên Đ (hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 13/10/2025); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Chu Quang V, sinh năm 1954 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957, hiện ở xã T, tỉnh Phú Thọ; Vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1986, hiện ở xã T, tỉnh Phú Thọ; Con: Có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/01/2026, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an tỉnh P. (Có mặt).

Bị hại: Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 21/6/2025, Chu Quang T sinh năm 1982 ở khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ, mặc áo mưa, mang theo đèn pin đi bộ đến ao cá của gia đình ở gần

nhà chị Hoàng Thị T1 sinh năm 1986 ở cùng khu để kiểm tra xem ao cá có bị ảnh hưởng bởi mưa bão hay không. Khi đi qua nhà chị T1, thấy nhà đóng cửa, bên trong không bật điện, gọi không có ai trả lời, biết chị T1 không có ở nhà nên T đã nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà trộm cắp tài sản của chị T1. Thực hiện ý định, T đi đến trước cửa, dùng hai tay nắm vào cánh cửa rồi giật mạnh làm bung khuôn cài then ở cánh cửa bên phải ra. Sau đó, T đi vào bên trong, bắt đầu soi đèn pin tìm kiếm tài sản. T thấy ở sát giường ngủ nhà chị T1 có 01 chiếc tủ đựng quần áo không khoá nên đã mở chiếc tủ này ra để kiểm tra, khi thấy bên trong ngăn tủ bên trái có 01 chiếc ví màu đen đựng nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, T đã lấy toàn bộ số tiền này, cho vào túi áo mưa bên phải mà T đang mặc. Sau đó, vẫn bên trong ngăn tủ này, T tìm thấy 01 chiếc hộp giấy hình vuông, bên trong có 01 sợi dây chuyền màu vàng nên cũng lấy sợi dây chuyền bỏ vào túi áo mưa đang mặc. T tiếp tục lục lọi, phát hiện dưới đáy tủ có 02 con lợn đất dùng để đựng tiền tiết kiệm nên đã lấy cả 02 con lợn đất này, để vào trong vạt áo mưa đang mặc rồi đi ra khỏi nhà chị T1. Sợ bị phát hiện nên T đã đóng cửa nhà lại, lấy 01 chiếc xà cày có sẵn ở bên ngoài nhà chị T1, đóng lại đinh khuôn cài cửa như cũ rồi mang toàn bộ số đồ vật, tài sản đã trộm cắp được đi về nhà, giấu trong phòng ngủ của mình. Đến tối ngày 22/6/2025, khi ở nhà một mình, T mới lấy số đồ vật, tài sản trộm cắp được ra xem. Chu Quang Trường kiểm đếm xác định số tiền lấy được trong ví của chị Hoàng Thị T1 là 2.000.000 đồng, tổng số tiền bên trong hai con lợn đất là 7.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền 9.000.000 đồng này, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 23/6/2025, T truy cập mạng xã hội Facebook thì thấy chị T1 đăng tải 01 bài viết lên trang cá nhân của chị T1 với nội dung thông báo việc bị trộm cắp tài sản, dọa nếu kẻ gian không trả lại thì chị sẽ báo Công an. Do lo sợ bị phát hiện nên T đã sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20 lắp sim số 0862281785 của mình, nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho chị T1, giả vờ hỏi thăm đồng thời nói dối chị T1 là T biết ai đã trộm cắp tài sản của chị T1 và hứa sẽ yêu cầu người đó trả lại tài sản cho chị, đề nghị chị không báo Công an. Chị T1 đồng ý. Sau đó, T đã tự viết vào 01 tờ giấy dòng chữ “chị ơi em xin lỗi, em không biết chị là em gái anh T em lỡ tiêu hết tiền của chị rồi có 7 triệu trong lợn với hai triệu tiền ngoài, em hứa một tuần em trả cho chị. em gửi anh T trả cho chị. em có lỗi với Anh T, với chị” rồi cho tờ giấy này cùng chiếc dây chuyền màu vàng vào túi nilon, đem đến đặt ở cổng nhà chị T1 và nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho chị T1, bảo chị T1 ra cổng nhận lại tài sản. Chị T1 nhận lại được sợi dây chuyền thì nhiều lần yêu cầu T bảo người trộm cắp tài sản trả lại số tiền 9.000.000 đồng cho chị, tuy nhiên, do T đã chi tiêu hết, chưa có tiền trả lại nên liên tục nói dối chị T1 để kéo dài thời gian.

Nghi ngờ T có liên quan đến việc trộm cắp trên nên ngày 07/8/2025, chị T1 đã trình báo sự việc đến Công an xã T đồng thời tự nguyện giao nộp sợi dây chuyền vàng đã bị trộm cắp, chiếc ví đựng tiền, chiếc hộp giấy đựng dây chuyền cùng 01 tờ giấy viết tay như trên.

Căn cứ đơn trình báo, lời khai, vật chứng cùng kết quả kiểm tra điện thoại của chị T1, Công an xã T đã triệu tập T đến trụ sở để làm việc. Tại đây, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình như đã nêu trên đồng thời tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A20 lắp sim số 0862281785 mà T sử dụng để nhắn tin với chị T1 cùng 01 chiếc đèn pin T sử dụng khi trộm cắp tài sản nhà chị T1 và 01 chiếc bút bi mực đen T sử dụng viết giấy trên cho chị T1. Công an xã cũng tiến hành kiểm tra, xác định hiện trường nơi xảy ra sự việc, thu giữ chiếc xà cày mà T đã sử dụng để đóng lại khuôn cài cửa như trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh P đã ra Quyết định trưng cầu giám định đối với sợi dây chuyền màu vàng mà T đã trộm cắp cùng 01 tờ giấy viết tay mà chị T1 đã giao nộp.

Sau khi giám định, Phòng K Công an tỉnh P kết luận:

“01 (một) vòng kim loại màu vàng được chế tác dạng các mắt xích nối với nhau gửi giám định có khối lượng 21 gam (Hai mươi một gam) là V1 (Au); hàm lượng Vàng Au trung bình là 99,94%”.

“Chữ viết bằng mực màu đen có nội dung “Chị ơi em xin lỗi em không biết chị là em gái anh T em lỡ tiêu hết tiền của chị rồi có 7 triệu trong lợn với hai triệu tiền ngoài, em hứa một tuần em trả cho chị. em gửi anh T trả cho chị. em có lỗi với anh T, với chị” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Chu Quang T trên 02 “Bản tự khai/Bản tường trình” (mẫu so sánh ký hiệu M1, M2) là do cùng một người viết ra”.

Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự - UBND tỉnh P kết luận: *01 vòng kim loại màu vàng được chế tác dạng mắt xích nối với nhau có khối lượng 21 gam là vàng (Au) hàm lượng trung bình là 99,4% tại thời điểm ngày 21/6/2025 có giá là 64.771.000 đồng.*

Đối với 02 con lợn đất mà T trộm cắp của chị T1, T đã đập vỡ, chị T1 và T đều không xác định được đặc điểm, nhãn hiệu của 02 con lợn đất này. Chị T1 chỉ nhớ chị mua 02 con lợn đất này từ lâu, không nhớ mua ở đâu, bao nhiêu tiền, nay xác định đều đã cũ, không còn giá trị nên đề nghị không cần định giá tài sản, chị T1 không yêu cầu bị cáo trả lại hay bồi thường giá trị tài sản này. Cơ quan điều tra cũng đã tiến hành truy tìm các mảnh vỡ của 02 con lợn đất trên, tuy nhiên, do T vứt ra ven suối, không thu giữ được nên cũng không có căn cứ để định giá thiệt hại về tài sản đối với 02 con lợn đất này.

Ngày 06/10/2025, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh P đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với T để điều tra về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 25/CT-VKSKV5 ngày 19/01/2026, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã truy tố Chu Quang T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự theo nội dung như trên và xác định:

Về nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội: Chu Quang T thực hiện hành vi phạm tội với động cơ, mục đích là vì vụ lợi.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, Trường thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đồng thời cũng đã trả lại toàn bộ tài sản trộm cắp cho chị T1 để khắc phục hậu quả và được chị T1 viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt.

Về điều kiện kinh tế: Trường thuộc hộ cận nghèo, không có tài sản riêng. T làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, mức thu nhập bình quân đầu người của lao động tự do tại địa phương nơi T cư trú là 4.416.000 đồng/ người/ tháng.

Về vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án: Đối với chiếc áo mưa T mặc khi đi trộm cắp tài sản, T đã vứt bỏ, không rõ ở đâu nên không thu giữ được. Đối với các mảnh vỡ của 02 con lợn đất cùng 01 túi nilon T đựng dây chuyền vàng trả cho chị T1, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được. Đối với 01 ví màu đen, 01 hộp giấy, 01 dây chuyền vàng đã tạm giữ như trên, sau khi cho T xác nhận, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1. Đối với 01 tờ giấy T đã viết cho chị T1, Cơ quan điều tra lưu vào hồ sơ vụ án. Hiện Cơ quan điều tra còn tạm giữ 01 chiếc đèn pin, 01 chiếc bút bi màu đen và 01 chiếc xà cày. Các vật chứng này cần chuyển đến Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Phú Thọ để chờ xử lý.

Về dân sự: Chu Quang T đã bồi thường cho chị Hoàng Thị T1 số tiền 9.000.000 đồng mà T đã trộm cắp. Chị T1 đã nhận đủ tiền, không yêu cầu T phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Phú Thọ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Chu Quang T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo T từ 24 đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 16/01/2026.

Hình phạt bổ sung: Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 01 ví màu đen, 01 hộp giấy, 01 dây chuyền vàng cho chị T1 là chủ sở hữu.

Tịch thu tiêu huỷ đối với 01 chiếc đèn pin, 01 chiếc bút bi màu đen và 01 chiếc xà cày.

Đối với 01 tờ giấy T đã viết cho chị T1, cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Về dân sự: Xác nhận T đã trả lại cho chị T1 số tiền 9.000.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã nêu, đồng thời đã trả lại toàn bộ tài sản trộm cắp cho chị T1 để khắc phục hậu quả. Bị cáo không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát hay có ý kiến gì khác về tội danh, hình phạt, các vấn đề khác...

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị hại là chị Hoàng Thị T1 xác nhận đã nhận đủ tài sản bị trộm cắp gồm: số tiền 9.000.000 đồng, 01 ví màu đen, 01 hộp giấy, 01 dây chuyền vàng. Riêng chiếc xà cày, chị xác định không còn giá trị nên không yêu cầu nhận lại. Chị không yêu cầu bồi thường hay trả lại tài sản gì khác và giữ nguyên quan điểm đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo T nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Bị cáo xin được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét xử phạt cho bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, nhiệm vụ, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về căn cứ buộc tội: Tại phiên tòa, bị cáo Chu Quang T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại tại cơ quan điều tra và với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ ngày 21/6/2025, Chu Quang T sinh năm 1982 ở khu T, xã T, tỉnh Phú Thọ, mặc áo mưa, mang theo đèn pin đi bộ đến ao cá của gia đình ở gần nhà chị Hoàng Thị T1 sinh năm 1986 ở cùng khu để kiểm tra xem ao cá có bị ảnh hưởng bởi mưa bão hay không. Khi đi qua nhà chị T1, thấy nhà đóng cửa, bên trong không bật điện, gọi không có ai trả lời, biết chị T1 không có ở nhà nên T đã nảy sinh ý định đột nhập vào trong nhà trộm cắp tài sản của chị T1. T đã trộm cắp của chị T1 số tiền 9.000.000 đồng cùng với 01 dây chuyền vàng (dạng vòng kim loại Vàng (hàm lượng Vàng Au trung bình là 99,94%) khối lượng 21 gam) trị giá 64.771.000 đồng, tổng giá trị tài sản mà T đã trộm cắp của chị T1 là 73.771.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý.

Xét thấy hành vi nêu trên của Chu Quang T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự, nội dung như sau:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Phú Thọ truy tố Chu Quang T theo nội dung bản Cáo trạng đã nêu là có căn cứ, hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét về nhân thân: Bị cáo T là người có nhân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án tiền sự. Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo.

[4] Về tính chất mức độ, hành vi phạm tội: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm đối với xã hội, mang tính chất nghiêm trọng, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội ở địa phương.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo T không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận đầy đủ, đúng sự thật, chính xác, rõ ràng về hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã bồi thường và trả lại toàn bộ tài sản đã trộm cắp cho bị hại để khắc phục hậu quả, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; Bị cáo đã thể hiện sự ăn năn, hối cải về hành vi mình đã gây ra và mong muốn có cơ hội được sửa chữa lỗi lầm, cải tạo thành người tốt. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt:

Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình truy tố, bị cáo không chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, nên đã bị áp dụng biện pháp tạm giam. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn theo khoản 1 Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo lao động tự do, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng, tài sản thu giữ trong vụ án:

Đối với chiếc áo mưa T mặc khi đi trộm cắp tài sản, T đã vứt bỏ, không rõ ở đâu và 01 túi nylon T đựng dây chuyền vàng trả cho chị T1, các mảnh vỡ của 02 con lợn đất, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được, chị T1 không yêu cầu trả lại hay bồi thường về 02 con lợn đất. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với 01 ví màu đen, 01 chiếc hộp màu trắng, xanh, 01 dây chuyền Vàng (A), Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị T1, cần xác nhận.

Đối với 01 tờ giấy T đã viết cho chị T1, cần lưu vào hồ sơ vụ án.

Đối với 01 chiếc đèn pin, 01 chiếc bút bi màu đen thu giữ của bị cáo và 01 chiếc xà cày của chị T1 xét không còn giá trị sử dụng, chị T1 không yêu cầu nhận lại chiếc xà cày, xét cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã trả lại cho chị T1 số tiền 9.000.000 đồng, cần xác nhận. Chị T1 không yêu cầu T phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên không đặt ra giải quyết.

[9] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt: Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử:

Tuyên bố bị cáo Chu Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo Chu Quang T 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 16/01/2026.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Xác nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Hoàng Thị T1: 01 chiếc ví màu đen, kích thước 20cm x 10cm x 4cm đã qua sử dụng; 01 chiếc hộp hình vuông,

kích thước 6cm x 6cm x 35cm màu trắng xanh đã qua sử dụng; 01 sợi dây chuyền Vàng (A), có khối lượng 21 gam, hàm lượng Vàng Au 99,94% (theo Biên bản lập ngày 23/9/2025, 04/10/2025);

Tịch thu tiêu hủy: 01 đèn pin màu đen, dài 30cm, loa chiếu sáng rộng 15,5cm, chiều rộng nhất của tay cầm là 11cm; 01 chiếc bút dài 14,2cm, trên thân bút có dán tem in chữ “TL-027 bút bi 0.5 mm MỰC ĐEN” (thu của T); 01 xà cây bằng kim loại, dài 67cm, hình trụ tròn, đường kính 2cm, màu nâu, một đầu dẹt, một đầu uốn cong, đã qua sử dụng (thu của chị T1). (Đã được bàn giao cho Phòng Thi hành án khu vực 5 - Phú Thọ, theo “Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng” ngày 19/01/2026).

Lưu vào hồ sơ vụ án 01 tờ giấy kích thước 16,5cm x 23,6cm, trên mặt được viết chữ màu đen với nội dung “chị ơi em xin lỗi, em không biết chị là em gái anh T em lỡ tiêu hết tiền của chị rồi có 7 triệu trong lợn với hai triệu tiền ngoài, em hứa một tuần em trả cho chị. em gửi anh T trả cho chị. em có lỗi với Anh T, với chị”.

Xác nhận Chu Quang T đã trả lại cho chị Hoàng Thị T1 số tiền 9.000.000 đồng (chín triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Chu Quang T.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Bị hại;
- VKSND KV5 - Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- CQ CSĐT; CQ Thi hành án hình sự Công an tỉnh Phú Thọ;
- Công an xã T2;
- Phòng THADS khu vực 5 - Phú Thọ;
- UBND xã T2, tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Linh